

e) Từ chối giám định trong trường hợp giám định viên có quyền, lợi ích liên quan đến đối tượng giám định, vụ việc cần giám định hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết luận giám định hoặc trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc phải từ chối giám định;

g) Giữ bí mật các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp tiết lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lợi dụng tư cách giám định và hoạt động giám định để trục lợi hoặc cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật;

i) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định theo định kỳ 6 tháng và hằng năm bằng văn bản gửi về cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 107. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng có các quyền sau đây:

a) Thuê giám định viên sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng thực hiện giám định theo các vụ việc;

b) Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định để thực hiện việc giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Hoạt động theo đúng lĩnh vực giám định ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

b) Thực hiện việc giám định theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu, mẫu vật liên quan đến vụ việc giám định theo quy định của pháp luật;

d) Giữ bí mật các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp tiết lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Từ chối giám định trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc phải từ chối giám định;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lợi dụng tư cách giám định và hoạt động giám định để trục lợi hoặc cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật;

g) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định theo định kỳ 06 tháng và hằng năm bằng văn bản gửi về cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## Mục 2

### NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

#### **Điều 108. Kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp**

1. Việc kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp được tiến hành nhằm đánh giá khả năng sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

2. Việc tổ chức kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp là cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, trong đó nêu rõ điều kiện tham dự kiểm tra, thủ tục nộp hồ sơ, nội dung kiểm tra và dự kiến thời gian, địa điểm kiểm tra;

c) Kỳ kiểm tra phải được tổ chức trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có ít nhất 05 người đăng ký dự kiểm tra có hồ sơ đăng ký được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Kết quả kiểm tra được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo cho người dự kiểm tra. Người dự kiểm tra có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp phúc tra kết quả này;

đ) Kết quả kiểm tra có giá trị trong thời hạn 05 năm cho việc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.

3. Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thành lập, có nhiệm vụ tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp theo Quy chế kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp do cơ quan đó ban hành.

4. Việc đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện sau đây thì được đăng ký dự kiểm tra theo quy định tại Điều này:

a1) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

a2) Thường trú tại Việt Nam;

a3) Có phẩm chất đạo đức tốt;

a4) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đăng ký dự kiểm tra;

a5) Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đăng ký dự kiểm tra từ 05 năm trở lên.

b) Hồ sơ đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VI của Nghị định này;

b2) Bản sao văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

b3) Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

b4) 02 ảnh 3 x 4 (cm);

b5) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp).

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm xử lý hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra thông báo chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra đã được ấn định hoặc chưa được ấn định vì chưa đủ số người đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c2) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đăng ký dự kiểm tra sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người đăng ký dự kiểm tra không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **Điều 109. Cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, lập và công bố Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp theo thủ tục quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Việc cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Người đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ thì được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp nếu có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định. Các điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:

a1) Điều kiện “Thường trú tại Việt Nam” được hiểu là có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

a2) Điều kiện “Có phẩm chất đạo đức tốt” được hiểu là không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

a3) Điều kiện “Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên” được hiểu là có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác;

a4) Điều kiện “Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên từ 05 năm trở lên” được hiểu là đã trực tiếp làm công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, thanh tra, kiểm tra, pháp chế, tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu khoa học có chức danh nghiên cứu viên, giảng dạy về sở hữu công nghiệp có chức danh giảng viên từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã trực tiếp làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật; xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), hoặc đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc quốc tế từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 05 năm trở lên.

b) Hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

b2) Bản sao Chứng minh nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đã có thông tin về số Căn cước công dân;

b3) 02 ảnh 3 x 4 (cm);

b4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp).

c) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân, số Thẻ giám định và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ; ghi nhận việc cấp Thẻ vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

c2) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu

rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c3) Thẻ giám định viên được làm theo Mẫu số 04 tại Phụ lục VI của Nghị định này.

3. Việc cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Trong các trường hợp sau đây, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp nếu giám định viên có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định:

a1) Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ, v.v...) đến mức không sử dụng được;

a2) Thông tin được ghi nhận trong Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều này có sự thay đổi.

b) Giám định viên có nghĩa vụ yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp để ghi nhận lại các thay đổi nêu tại điểm a2 khoản này;

c) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

c1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

c2) Bản sao Chứng minh nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên đã có thông tin về số căn cước công dân đối với trường hợp quy định tại điểm a2 khoản này;

c3) 02 ảnh 3 x 4 (cm);

c4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp).

d) Việc xử lý hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

d1) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

d2) Trong trường hợp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị lỗi do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp gây ra, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ, không thu phí khi cấp lại Thẻ.

4. Việc thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a1) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

a2) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

a3) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;

a4) Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chủ động hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thu hồi nếu có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp gồm 01 bộ tài liệu sau:

c1) Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

c2) Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định sở hữu công nghiệp.

d) Trình tự thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoặc thông báo không thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người được cấp;

d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

d4) Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

5. Việc lập và đăng tải Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp lập Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp gồm các thông tin được ghi nhận theo các quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và đăng tải, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp hằng năm;



b) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương thông tin về các thay đổi liên quan đến Thẻ giám định viên của những giám định viên hoạt động cho tổ chức giám định sở hữu công nghiệp của địa phương tương ứng để phục vụ công tác cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định tại địa phương trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 110. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này cho các đơn vị sự nghiệp là tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của địa phương.

2. Việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ thì được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp nếu có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định;

b) Hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương gồm 01 bộ tài liệu sau:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

b2) Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

c) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ, mã số của tổ chức và chuyên ngành giám định của tổ chức tương ứng với chuyên ngành giám định của các giám định viên thuộc tổ chức, danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức; ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

c2) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c3) Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được làm theo Mẫu số 07 tại Phụ lục VI của Nghị định này.

3. Việc cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Trong các trường hợp sau đây, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương ra quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp nếu tổ chức giám định sở hữu công nghiệp có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định:

a1) Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;

a2) Có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều này.

b) Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp có nghĩa vụ làm thủ tục yêu cầu cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp cấp lại Giấy chứng nhận để ghi nhận các thay đổi nêu tại điểm c1 khoản 2 Điều này;

c) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

c1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 06 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

c2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;

c3) Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

c4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

d) Việc xử lý hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

d1) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

d2) Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp bị lỗi do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương đã cấp Giấy chứng nhận gây ra, thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, không thu phí cấp lại Giấy chứng nhận.

4. Việc thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a1) Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được cấp trái với quy định của pháp luật;

a2) Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

a3) Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp chấm dứt hoạt động giám định;

a4) Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp vi phạm quy định pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương chủ động hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp nếu có căn cứ khẳng định tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Hồ sơ yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được nộp cho cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đó gồm 01 bộ tài liệu sau:

c1) Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;

c2) Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;

d) Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận

đó thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và gửi cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định tổ chức được cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của tổ chức được cấp Giấy chứng nhận, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận hoặc thông báo không thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp;

d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận;

d4) Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

5. Việc lập và đăng tải Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp lập Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp gồm các thông tin được ghi nhận theo quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và đăng tải, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp hằng năm;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp mọi thông tin về việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định để phục vụ việc lập Danh sách tổ chức giám định sở hữu công nghiệp tại khoản này.

### Mục 3

## NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

### Điều 111. Kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng

1. Việc kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng được tiến hành nhằm đánh giá khả năng sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến quyền đối với giống cây trồng.

2. Việc tổ chức kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng là cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó, trong đó nêu rõ điều kiện tham dự kiểm tra, thủ tục nộp hồ sơ, nội dung kiểm tra và dự kiến thời gian, địa điểm kiểm tra;

c) Kỳ kiểm tra phải được tổ chức trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có ít nhất 05 người đăng ký dự kiểm tra có hồ sơ đăng ký được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Kết quả kiểm tra được cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thông báo cho người dự kiểm tra. Người dự kiểm tra có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng phúc tra kết quả này;

đ) Kết quả kiểm tra có giá trị trong thời hạn 05 năm cho việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

3. Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng do cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thành lập, có nhiệm vụ tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng theo Quy chế kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng do cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ban hành.

Việc đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện sau đây thì được đăng ký dự kiểm tra theo quy định tại Điều này:

a1) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

a2) Thường trú tại Việt Nam;

a3) Có phẩm chất đạo đức tốt;

a4) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực dự kiểm tra;

a5) Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ 05 năm trở lên.

b) Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 08 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

b2) Bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học;

b3) Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn;

b4) 02 ảnh 3 x 4 (cm);

b5) Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm xử lý hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ra thông báo chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra đã được ấn định hoặc chưa được ấn định vì chưa đủ số người đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c2) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đăng ký

dự kiểm tra sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người đăng ký dự kiểm tra không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ra quyết định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

**Điều 112. Cấp, cấp lại và thu hồi Thẻ giám định viên về quyền đối với giống cây trồng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo thủ tục quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Việc cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Người đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ thì được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng nếu có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định. Các điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:

a1) Điều kiện “Thường trú tại Việt Nam” được hiểu là có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

a2) Điều kiện “Có phẩm chất đạo đức tốt” được hiểu là không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về giống cây trồng hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

a3) Điều kiện “Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên” được hiểu là có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành trồng trọt, nông học, khoa học cây trồng hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng;

a4) Điều kiện “Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên từ 05 năm trở lên” được hiểu là đã trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về giống cây trồng, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thanh tra về giống cây trồng tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng, nghiên cứu, giảng dạy về bảo hộ giống cây trồng tại tổ chức nghiên cứu, đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp, hoặc tư vấn về pháp luật về bảo hộ giống cây trồng dưới danh nghĩa người đại diện quyền đối với giống cây trồng.



b) Hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

b2) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng;

b3) Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng;

b4) Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên;

b5) 02 ảnh 3 x 4 (cm);

b6) Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này);

c) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ;

c2) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c3) Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng được làm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI của Nghị định này.

3. Việc cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Trong các trường hợp sau đây, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng nếu giám định viên có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định:

a1) Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;

a2) Thông tin được ghi nhận trong Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều này có sự thay đổi;

b) Giám định viên có nghĩa vụ yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng để ghi nhận lại các thay đổi nêu tại điểm a2 khoản này.

c) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng được nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

c1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

c2) 02 ảnh 3 x 4 (cm);

c3) Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

d) Việc xử lý hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên về quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

d1) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

d2) Trong trường hợp Thẻ giám định viên về quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ, không thu phí khi cấp lại Thẻ.

4. Việc thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a1) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

a2) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

a3) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;

a4) Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thu hồi nếu có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng gồm 01 bộ tài liệu sau:

c1) Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng;

c2) Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

d) Trình tự thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng cho người được cấp Thẻ giám định viên

quyền đối với giống cây trồng và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc thông báo không thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng cho người được cấp;

d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

5. Việc lập và công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng, thông báo thay đổi thông tin liên quan đến Thẻ giám định viên được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp, cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng về Danh sách giám định viên và các thay đổi liên quan đến Thẻ giám định viên của những giám định viên hoạt động cho tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng của địa phương tương ứng để phục vụ công tác theo dõi cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định tại địa phương.

### **Điều 113. Cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, lập và công bố Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ thì được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp

Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng nếu có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định;

b) Hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng gồm 01 bộ tài liệu sau:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

b2) Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên về quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức;

b3) Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

c) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức; ghi nhận vào Danh sách tổ chức giám định và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;

c2) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c3) Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được làm theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị định này.

3. Việc cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Trong các trường hợp sau đây, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng nếu tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định:

a1) Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;

a2) Có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều này.

b) Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng có nghĩa vụ làm thủ tục yêu cầu cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cấp lại Giấy chứng nhận nếu vẫn có nhu cầu tiếp tục hoạt động giám định;

c) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

c1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định này;

c2) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức, trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;

c3) Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên quyền đối với giống cây trồng;

c4) Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).

d) Việc xử lý hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

d1) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét hồ sơ theo trình tự như thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

d2) Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã cấp Giấy chứng nhận gây ra, thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, không thu phí khi cấp lại Giấy chứng nhận.

4. Việc thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a1) Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được cấp trái với quy định của pháp luật;

a2) Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

a3) Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng chấm dứt hoạt động giám định;

a4) Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng vi phạm quy định pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng nếu có căn cứ khẳng định tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Hồ sơ yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng gồm 01 bộ tài liệu sau:

c1) Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng;

c2) Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng;

d) Trình tự thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c khoản này,

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó, thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định tổ chức được cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của tổ chức được cấp Giấy chứng nhận, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận hoặc thông báo không thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp;

d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận;

d4) Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều này theo các quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cập nhật cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng về Danh sách tổ chức giám định quyền và các thay đổi liên quan đến tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng tại địa phương tương ứng để phục vụ công tác ghi nhận thông tin vào Sổ đăng ký Quốc gia về Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.



**Mục 4****HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP,  
GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG****Điều 114. Nội dung và lĩnh vực giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng bao gồm các nội dung sau đây:

a) Xác định phạm vi bảo hộ của đối tượng quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

b) Xác định đối tượng được xem xét có đáp ứng các điều kiện để bị coi là yếu tố xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng hay không theo quy định tại các điều từ Điều 74 đến Điều 80 của Nghị định này;

c) Xác định có hay không sự trùng, tương đương tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép giữa đối tượng được xem xét với đối tượng được bảo hộ;

d) Xác định giá trị quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo phương pháp định giá được quy định trong pháp luật về giá; xác định giá trị thiệt hại theo quy định tại Điều 204 và 205 của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo lĩnh vực quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

a) Lĩnh vực giám định sở hữu công nghiệp, gồm các chuyên ngành sau đây:

a1) Giám định sáng chế và thiết kế bố trí;

a2) Giám định kiểu dáng công nghiệp;

a3) Giám định nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý;

a4) Giám định các quyền sở hữu công nghiệp khác.

b) Lĩnh vực giám định về quyền đối với giống cây trồng.

**Điều 115. Quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Người yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức giám định, giám định viên trả lời kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn yêu cầu;

b) Yêu cầu tổ chức giám định, giám định viên giải thích kết luận giám định;

c) Yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại theo quy định tại Điều 120 của Nghị định này;

d) Thỏa thuận mức giá dịch vụ giám định.

2. Người yêu cầu giám định có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ và trung thực các tài liệu, chứng cứ, thông tin liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của tổ chức giám định, giám định viên;

b) Trình bày rõ ràng, cụ thể những vấn đề thuộc nội dung cần yêu cầu giám định;

c) Thanh toán chi phí giám định theo thỏa thuận; tạm ứng chi phí giám định khi có yêu cầu của tổ chức giám định, giám định viên;

d) Nhận lại đối tượng giám định khi có yêu cầu của tổ chức giám định, giám định viên.

**Điều 116. Yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng bao gồm:

a) Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

b) Tổ chức, cá nhân bị yêu cầu xử lý về hành vi xâm phạm hoặc bị khiếu nại, tố cáo về quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

c) Tổ chức, cá nhân khác có quyền, lợi ích liên quan đến vụ tranh chấp, xâm phạm, khiếu nại, tố cáo về quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này có quyền tự mình hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác yêu cầu tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, giám định viên sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng thực hiện giám định.

3. Giám định viên hoạt động độc lập hoặc tổ chức giám định tiếp nhận hồ sơ yêu cầu giám định, tiến hành dự toán chi phí thực hiện giám định, thỏa thuận và thực hiện ký kết hợp đồng giám định với tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định, trừ trường hợp từ chối thực hiện giám định theo quy định.

4. Yêu cầu giám định phải lập thành hợp đồng dịch vụ giám định giữa người yêu cầu giám định với tổ chức giám định hoặc với giám định viên.

5. Hợp đồng dịch vụ giám định có thể có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định;

b) Tên, địa chỉ của tổ chức giám định hoặc giám định viên;

c) Nội dung yêu cầu giám định;

d) Các chứng cứ, tài liệu, hiện vật có liên quan;

- d) Thời hạn trả kết luận giám định;
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- g) Địa điểm, thời gian thực hiện việc giám định;
- h) Chi phí thực hiện giám định và phương thức thanh toán;
- i) Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng;
- k) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại; phương thức giải quyết tranh chấp.

**Điều 117. Giao, nhận, trả lại đối tượng giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

Trong trường hợp việc yêu cầu giám định có kèm theo đối tượng giám định thì việc giao, nhận, trả lại đối tượng giám định phải lập thành biên bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Thời gian, địa điểm giao, nhận, trả lại đối tượng giám định.
2. Tên, địa chỉ của bên giao và bên nhận đối tượng giám định hoặc của người đại diện.
3. Tên đối tượng giám định; tài liệu hoặc đồ vật có liên quan.
4. Tình trạng và cách thức bảo quản đối tượng giám định khi giao, nhận, trả lại.
5. Chữ ký của bên giao và bên nhận đối tượng giám định hoặc người đại diện trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba yêu cầu giám định.

**Điều 118. Lấy mẫu giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Tổ chức giám định, giám định viên có thể tự mình tiến hành lấy mẫu giám định (các hiện vật cụ thể là yếu tố xâm phạm và đối tượng sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng đang được bảo hộ) hoặc yêu cầu người yêu cầu giám định cung cấp mẫu giám định. Việc lấy mẫu giám định phải lập biên bản với sự chứng kiến và có chữ ký xác nhận của các bên liên quan.

2. Việc giao, nhận, trả lại mẫu giám định thực hiện tương tự như quy định tại Điều 117 của Nghị định này.

**Điều 119. Thực hiện giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Việc giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng có thể do một hoặc một số giám định viên sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng thực hiện. Giám định cá nhân là giám định do một giám định viên thực hiện. Giám định tập thể là giám định do hai giám định viên trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì giám định viên thực hiện toàn bộ việc giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình. Trong trường hợp giám định tập thể về vấn đề thuộc cùng lĩnh vực chuyên môn thì các giám định viên cùng thực hiện việc giám định, ký tên vào văn bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định; nếu có ý kiến khác nhau thì mỗi giám định viên ghi riêng ý kiến kết luận của mình vào văn bản kết luận giám định chung và chịu trách nhiệm về ý kiến đó. Trong trường hợp giám định tập thể về vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi giám định viên thực hiện phần việc của mình và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình.

**Điều 120. Giám định bổ sung, giám định lại sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp kết luận giám định chưa đầy đủ, rõ ràng về các nội dung cần giám định hoặc có phát sinh tình tiết mới cần làm rõ. Yêu cầu giám định bổ sung và việc thực hiện giám định bổ sung phải tuân theo các quy định đối với giám định lần đầu.

2. Giám định lại được thực hiện trong trường hợp người yêu cầu giám định không đồng ý với kết quả giám định hoặc có mâu thuẫn giữa các kết luận giám định về cùng một vấn đề cần giám định. Việc giám định lại có thể do tổ chức giám định, giám định viên đã giám định trước đó hoặc do tổ chức giám định, giám định viên khác thực hiện theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.

3. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa các kết luận giám định hoặc giữa kết luận giám định với ý kiến chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng về cùng một vấn đề cần giám định thì người yêu cầu giám định có thể tiếp tục yêu cầu tổ chức giám định, giám định viên khác thực hiện việc giám định lại.

4. Trong trường hợp cần thiết, khi thực hiện giám định quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, tổ chức giám định có thể thành lập Hội đồng tư vấn giám định quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng để lấy ý kiến chuyên môn về vấn đề cần giám định. Các vấn đề liên quan đến Hội đồng tư vấn giám định được thực hiện như sau:

a) Tổ chức giám định lựa chọn thành viên của Hội đồng liên quan đến chuyên ngành giám định và ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng. Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng gồm chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng phải là số lẻ và có từ 03 thành viên trở lên.

b) Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, biểu quyết công khai ý kiến về

chuyên môn. Các thành viên của Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng thảo luận tập thể về chuyên môn, ý kiến của các thành viên phải được ghi trong biên bản cuộc họp của Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

c) Toàn bộ quá trình tư vấn giám định của Hội đồng tư vấn giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng phải được thể hiện đầy đủ, trung thực thành biên bản làm việc. Biên bản phải có chữ ký của chủ tịch và các thành viên Hội đồng và được lưu trong hồ sơ giám định.

**Điều 121. Văn bản kết luận giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

1. Kết luận giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 5 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được thể hiện bằng văn bản.

2. Văn bản kết luận giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 1 Điều này phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức giám định, giám định viên;
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định;
- c) Đối tượng, nội dung, phạm vi giám định;
- d) Phương pháp thực hiện giám định;
- đ) Kết luận giám định;
- e) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành giám định.

3. Giám định viên hoạt động độc lập, tổ chức giám định phải gửi văn bản kết luận giám định cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng giám định. Trường hợp thực hiện giám định độc lập thì giám định viên thực hiện giám định phải ký vào văn bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó. Trường hợp tổ chức thực hiện giám định thì giám định viên thực hiện giám định và người đại diện theo pháp luật của tổ chức giám định phải cùng ký tên, đóng dấu vào văn bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

4. Trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định, giám định viên hoạt động độc lập, tổ chức giám định phải thông báo kịp thời bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định.

**Điều 122. Giá dịch vụ giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

Giá dịch vụ giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng do các bên thỏa thuận.

**Phần thứ năm**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 123. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Việc xử lý đơn đăng ký sáng chế mật được nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ được thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 48 đến Điều 52 của Nghị định này.

2. Việc xử lý đơn La Hay có chỉ định Việt Nam và được Văn phòng quốc tế công bố trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa có quyết định chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận bảo hộ được thực hiện theo quy định của Nghị định này và quy định của Thỏa ước La Hay.

3. Việc xử lý đơn La Hay có nguồn gốc Việt Nam nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được gửi cho Văn phòng quốc tế được thực hiện theo quy định của Nghị định này và quy định của Thỏa ước La Hay.

**Điều 124. Hiệu lực của Nghị định**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 8 năm 2023.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, thay thế các quy định về bảo vệ quyền trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp và Điều 1 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

## Điều 125. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

110

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trần Lưu Quang**